

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: **Giảng viên** ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Giáo dục học;

Chuyên ngành: Quản lý Giáo dục

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 08/08/1972 ; Nam ☐ ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Thụy Hải, Thái Thụy, Thái Bình.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P106B D5, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Thị Hương, P202 G7, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội - 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội .

Điện thoại di động: 0913.505.968;

E-mail: nguyenhuong@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- ❖ Từ năm 2015 đến nay: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. Từ tháng 11/2016 đến nay: kiêm Hiệu trưởng Trường THPT Khoa học Giáo dục trực thuộc Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
- ❖ Từ năm 2012 đến năm 2015: Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính - Kế toán trưởng Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
- ❖ Từ năm 2010 đến năm 2012: Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính - Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- ❖ Từ năm 2002 đến năm 2010: Phụ trách kế toán - Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế phát triển - Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

- ❖ Từ năm 2013 đến tháng 3 năm 2016: Kế toán trưởng Văn phòng Chương trình Tây Bắc – Đại học Quốc gia Hà Nội (Kiêm nhiệm)
- ❖ Từ năm 2003 đến năm 2005: Kế toán Trung tâm công nghệ đào tạo và Hệ thống việc làm – Đại học Quốc gia Hà Nội (Kiêm nhiệm).

Chức vụ hiện nay: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục kiêm Hiệu trưởng Trường THPT Khoa học Giáo dục trực thuộc Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Hiệu trưởng.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: Nhà G7 – Số 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: (084.24) 7301 7123 (ext 1202)

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Không.

8. Đã nghỉ hưu từ: Chưa nghỉ hưu

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu: Không.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 01 tháng 3 năm 2002, ngành: Quản trị kinh doanh, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh tổng hợp.

Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 11 tháng 8 năm 2009, ngành: Quản trị kinh doanh, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh.

Nơi cấp bằng Thạc sỹ: Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sỹ ngày 22 tháng 4 năm 2015, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Quản lý kinh tế.

Nơi cấp bằng Tiến sỹ : Học viện Khoa học Xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành:

Giáo dục học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Nghiên cứu về Quản lý giáo dục, trong đó tập trung sâu vào hai hướng chính:

- (i) Kinh tế học Giáo dục và Quản lý tài chính trong giáo dục;

(ii) Nghiên cứu mô hình tự chủ trong giáo dục: Đại học và bậc THPT.

Hướng nghiên cứu này đã được ứng dụng có hiệu quả vào việc nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, giáo viên các cấp học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đang hướng dẫn: 02 NCS;
- Đã hướng dẫn: 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Chủ trì 04 đề tài cấp cơ sở và tham gia 01 đề tài cấp Quốc gia đã nghiệm thu, hiện đang Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Quốc gia.
- Đã công bố: 20 bài báo khoa học, trong đó 03 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus;
- Đã được cấp: 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 05 trong đó 05 thuộc nhà xuất bản có uy tín (01 sách chuyên khảo, 4 sách tham khảo).
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 02 giải nhất bóng bàn (Huy chương vàng): Giải nhất đơn Nữ cán bộ quản lý (dưới 50 tuổi) và Giải nhất đôi Nam – Nữ CBQL dưới 50 tuổi, Giải Bóng bàn "Người Giáo viên nhân dân" tranh giải "Báo Giáo dục và Thời đại" lần thứ XIV năm 2018 do Công đoàn Giáo dục Việt Nam tổ chức.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- ✦ Bộ Giáo dục và Đào tạo: 01 danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; 01 Bằng khen;
- ✦ Công đoàn Giáo dục Việt Nam: 03 Bằng khen;
- ✦ Đại học Quốc gia Hà Nội: 06 Bằng khen; 01 Kỷ niệm chương; 05 danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQGHN;

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Bản thân có đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục: lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt; trình độ đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ cơ quan giao, lý lịch bản thân rõ ràng.

- Thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định:

+ Luôn chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của Nhà trường và địa phương.

+ Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo; Tôn trọng nhân cách, đối xử công bằng, bảo vệ các quyền lợi chính đáng của người học.

+ Luôn dạy học và giáo dục theo đúng mục tiêu, nguyên lý và quy định của chương trình giáo dục; Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nêu gương tốt cho người học.

+ Chủ động trong công việc, có khả năng sư phạm, chú trọng kết hợp giảng dạy với nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng dạy học; có ý thức xây dựng tập thể giáo dục vững mạnh, đoàn kết

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số: **04 năm**.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015			0	0	0	0	0
2	2015-2016			0	0	0	0	0
3	2016-2017			01		0	0	0/70/54
3 năm học cuối								
4	2017-2018		01	02			129	129/155/54
5	2018-2019		02	03			129	129/260/54
6	2019-2020		02	01			129	129/130/54

* Ghi chú:

- Chức vụ lãnh đạo được miễn giảm: Phó Hiệu trưởng (QĐ bổ nhiệm số 4457/QĐ-ĐHQGHN ngày 13/11/2015)
- Định mức giảng dạy từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020: 270 giờ chuẩn (Theo 47/2014/TT-BGDĐT)
- Số giờ chuẩn được miễn giảm: 80% (216 giờ chuẩn)
- Số giờ phải thực hiện sau miễn giảm: 54 giờ

=====

- ✓ (*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

✓ Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: năm...

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ Tiếng Anh B2.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thùy Linh		X	X		5/2016 – 11/2017	Trường Đại học Giáo dục	* QĐ cấp bằng: 1572/QĐ-ĐHGD ngày 01/11/2017 * Bằng ThS QLGD cấp 14/11/2017
2	Trần Thị Phương Đông		X	X		12/2017- 11/2018	Trường Đại học Giáo dục	* QĐ cấp bằng: 1787/QĐ-ĐHGD ngày 08/11/2018 * Bằng ThS QLGD 12/11/2018
3	Ngô Xuân Ban		X	X		12/2017- 11/2018	Trường Đại học Giáo dục	* QĐ cấp bằng: 1787/QĐ-ĐHGD ngày 08/11/2018

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
								* Bằng ThS QLGD cấp 12/11/2018
4	Đỗ Ngọc Tân		X	X		11/2018- 10/2019	Trường Đại học Giáo dục	* QĐ cấp bằng: 1888/QĐ-ĐHGD ngày 24/10/2019 * Bằng ThS QLGD cấp 02/12/2019
5	Phạm Thanh Bình		X	X		11/2018- 10/2019	Trường Đại học Giáo dục	* QĐ cấp bằng: 1888/QĐ-ĐHGD ngày 24/10/2019 * Bằng ThS QLGD cấp 02/12/2019
6	Khoa Thị Thu Thủy		X	X		4/2018- 3/2019	Trường Đại học Giáo dục	* QĐ cấp bằng: 434/QĐ-ĐHGD ngày 28/03/2019 * Bằng ThS QLGD cấp 24/04/2019
7	Nguyễn Mạnh Tuấn		X	X		3/2019- 6/2020	Trường Đại học Giáo dục	QĐ công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ (số 656/QĐ- ĐHGD ngày 01/6/2020)

*** Hiện đang hướng dẫn 02 NCS và 01 HVCH.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ (4/2015): Không						

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Loại sách (CK, GT, TK, HD)</i>	<i>Nhà xuất bản và năm xuất bản</i>	<i>Số tác giả</i>	<i>Chủ biên</i>	<i>Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)</i>	<i>Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)</i>
II Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ (sau tháng 4 năm 2015)							
1	Quản lí tài chính trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học - Trường hợp nghiên cứu tại Đại học Quốc gia Hà Nội ISBN: 978-604-62-3424-1	TK	NXB ĐHQGHN Năm 2015 QĐXB số 786LK-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN 2015 (204 trang)	1	CB		Xác nhận mục đích sử dụng sách của Trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN (Theo VB số 846/ĐT-ĐHGD, ngày 26/6/2020)
2	Đổi mới chính sách học phí và phân bổ ngân sách Nhà nước cho giáo dục Đại học Công lập Việt Nam dựa trên cách tiếp cận hiệu quả tài chính ISBN: 978-604-62-5203-0	TK	NXB ĐHQGHN Năm 2016 (362 trang)	7		Tham gia	Xác nhận mục đích sử dụng sách của Trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN (Theo VB số 847/ĐT-ĐHGD, ngày 26/6/2020)
3	Đại cương về Quản trị Trường học ISBN: 978-604-9805-13-4	TK	NXB ĐHQGHN năm 2019 (162 trang)	1	CB		Xác nhận mục đích sử dụng sách của Trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN (Theo VB số 849/ĐT-ĐHGD, ngày 26/6/2020)
4	Đổi mới quản trị trường phổ thông hướng tới tự chủ ISBN: 978-604-9936-10-4	TK	NXB ĐHQGHN năm 2019 (167 trang)	1	CB		Xác nhận mục đích sử dụng sách của Trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
							(Theo VB số 848/ĐT-ĐHGD, ngày 26/6/2020)
5	Phát triển dịch vụ giáo dục - nghiên cứu thực tiễn khu vực nông thôn Việt Nam ISBN: 978-604-9962-24-0	CK	NXB ĐHQGHN Năm 2020 (360 trang) (Ghi chú: Sách CK này được sử dụng để tính bù 01 BBQT)	1	CB		Xác nhận mục đích sử dụng sách CK của Trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN (Theo VB số 850/ĐT-ĐHGD, ngày 26/6/2020)

Trong đó, số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: **01 sách CK (Số TT: 5).**

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ (4/2015)				
1	Đổi mới công tác quản lý tài chính tại Trường Đại học Giáo dục	CN	QS.13.01 Cấp Cơ sở	2013-2014	01/12/2014 Xếp loại: Tốt

<i>TT</i>	<i>Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)</i>	<i>CN/PC N/TK</i>	<i>Mã số và cấp quản lý</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ</i>
2	Luận cứ khoa học của việc nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030.	TG	01.2013 Cấp Quốc gia	2013-2015	05/03/2016 Xếp loại: Xuất sắc
II Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ (sau tháng 4 năm 2015)					
3	Nghiên cứu và xây dựng mô hình tự chủ cho các trường đại học sư phạm ở Việt Nam - Trường hợp Đại học Giáo dục- Đại học Quốc gia Hà Nội	CN	QS.16.10 Cấp Cơ sở	2016-2017	25/05/2017 Xếp loại: Đạt
4	Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị trường học tại Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội	CN	QS.17.08 Cấp Cơ sở	2017-2018	19/7/2018 Xếp loại: Đạt
5	Quản trị trường phổ thông hướng tới mô hình tự chủ, nghiên cứu trường hợp tại trường THPT Khoa học Giáo dục	CN	QS.19.04 Cấp Cơ sở	2019-2020	22/5/2020 Xếp loại: Đạt
6	Phát triển dịch vụ xã hội cho người dân nông thôn: Thực trạng và giải pháp	CN	KX.01.46/ 16-20 Cấp Quốc gia	18 tháng (từ 2019)	Đang triển khai

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả chính	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ (trước 4/2015)								
1	Đổi mới cơ chế tài chính tại Đại học Quốc gia Hà Nội: Thực tiễn triển khai và một số đánh giá ban đầu	01	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế - Viện Kinh tế Việt Nam- Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam ISSN 0866-7489			Số 9 (424) Trang 54-57	2013
2	Quản lý tài chính các trường đại học công - Kinh nghiệm quốc tế và gợi mở cho Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á ISSN 0866-7314			Số 1(14) Trang 52-56	2014
3	Đổi mới công tác quản lý tài chính tại Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc Gia Hà Nội: Một số quan sát và đề xuất	01	Tác giả chính	Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội ISSN 0866-8612			Tập 30 số 1S Trang 33-42	2014
II Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ (sau tháng 4 năm 2015)								
4	Vận dụng phương thức quản lý dựa vào kết quả trong quản trị hiệu quả trường đại học	02	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế - Viện Kinh tế Việt Nam – Viện Hàn lâm KHXHVN ISSN			Số 7 (446) Trang 24-28	7/2015

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
				0866-7489				
5	Tự chủ tài chính – cơ hội nâng cao chất lượng cho các trường đại học Công lập ở Việt Nam	02	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội ISSN 0866-8612			Tập 32, số 3 Trang 18-23	2016
6	Giải pháp đẩy mạnh tự chủ tài chính tại Đại học Quốc gia Hà Nội	01	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 228 (III) Trang 114- 118	2016
7	Quản trị tài chính tiếp cận hiệu quả cho giáo dục đại học Công lập Việt Nam	02	Tác giả chính	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT ISSN 2354-0753			Số 419 Kỳ 1 Trang 19-24, 13	2017
8	Biện pháp tăng cường nguồn lực tài chính và quản trị tài chính tại Đại học Quốc gia Hà Nội	01	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam ISSN 2615-8957			Số 02 Trang 90-96	2018
9	Quản trị trường học: Cơ sở lý luận, thực trạng đào tạo ở Việt Nam và Thế giới	01	Tác giả chính	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT ISSN 2354-0753			Số 424 Kỳ 2 Trang 9-12	2018
10	Chương trình cử nhân quản trị trường học của Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc	01	Tác giả chính	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT ISSN			Số 430 Kỳ 2 Trang	2018

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	gia Hà Nội tiếp cận thực tiễn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh hiện nay			2354-0753			34-41	
11	Tự chủ mở mới chương trình đào tạo tại các trường đại học công lập: Thực trạng và giải pháp	01	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, Viện Kinh tế Việt Nam ISSN 0866-7489			Số 3 (490) Trang 20-30	2019
12	Quản trị trường học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, vận dụng kiến thức trong thời kỳ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0	01	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam ISSN 2615-8957			Số 16 Trang 13-18	2019
13	Cơ chế tự chủ đối với các trường đại học công lập - Vấn đề đặt ra đối với mở chương trình đào tạo, mở mã ngành đào tạo	01	Tác giả chính	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT ISSN 2354-0753			Số 459, Kỳ 1 Trang 16-21	2019
14	Phát triển dịch vụ giáo dục tại một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam ISSN 2615-8957			Số 26 Trang 59-64	2020
15	Đổi mới quản trị trường phổ thông: Kinh nghiệm Quốc tế và hàm ý cho Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí Tâm lý học - Viện Hàn lâm KHXHVN			Số Trang 69-82	2020

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
				ISSN 1859-0098				
16	Một số kiến nghị nhằm phát huy mô hình tự chủ trong quản trị trường trung học phổ thông hiện nay	01	Tác giả chính	Tạp chí Giáo dục Bộ GD&ĐT ISSN 2354-0753			Số 475 Kì 1 Trang 6-11	2020
17	Phát triển dịch vụ giáo dục ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp	01	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam ISSN 2615-8957			Số 29 Trang 14-19	2020
18	Feasibility Study of Cd (II) Adsorption by a Novel Magnetic-Graphene Oxide Assisted with Polymer from Solution https://ascelibrary.org/doi/abs/10.1061/%28ASCE%29EE.1943-7870.0001720	10	Đồng tác giả chính	Journal of Environmental Engineering, ASCE ISSN 0733-9372 E-ISSN 1943-7870 https://www.scopus.com/sourceid/23355 https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=23355&tip=sid&clean=0	ISI (SCIE) IF=1,65; Q2 CiteScore 2019 = 2.7	-	Tập 146, số 7	2020

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
19	Reform in upper secondary school governance towards autonomy model: A case study of reality autonomy model in Vietnam https://www.psychosocial.com/article/PR280355/21230/	02	Tác giả chính	International Journal of Psychosocial Rehabilitation ISSN 1475-7192 https://www.scopus.com/sourceid/17700156008 https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=17700156008&tip=sid&clean=0	Scopus (Q4) CiteScore 2019 = 0.2	-	Tập 24, số 8	2020
20	Innovation in general education governance towards the school autonomy model: International experiences and Implication lessons for Vietnam's education (Dự thảo bài báo đã được đăng ký trên hệ thống Preprint, mã số: Manuscript ID: preprints-29080 Link preprints: https://www.preprints.org/user/home/submissions/pending	02	Tác giả chính	International Journal of Psychosocial Rehabilitation ISSN 1475-7192 https://www.scopus.com/sourceid/17700156008 https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=17700156008&tip=sid&clean=0	Scopus (Q4) CiteScore 2019 = 0.2		Volume 24 Issue 9, July 2020	Accepted 6/2020

* Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 03 bài.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

➤ Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				

➤ Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	Giải nhất đơn Nữ cán bộ quản lý (dưới 50 tuổi) - Giải bóng bàn "Người Giáo viên nhân dân" tranh giải "Báo Giáo dục và Thời đại" lần thứ XIV-2018	Công đoàn Giáo dục Việt Nam	QĐ số 297/QĐ-CĐN ngày 03/11/2018 của Chủ tịch Công đoàn Giáo dục VN	Quốc gia	01
2	Giải nhất đôi Nam-Nữ cán bộ quản lý (dưới 50 tuổi) - Giải bóng bàn "Người Giáo viên nhân dân" tranh giải "Báo Giáo dục và Thời đại" lần thứ XIV-2018	Công đoàn Giáo dục Việt Nam	QĐ số 295/QĐ-CĐN ngày 03/11/2018 của Chủ tịch Công đoàn Giáo dục VN	Quốc gia	02

✦ Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được cấp bằng TS: **02**.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Trưởng nhóm xây dựng chương trình cử nhân Quản trị trường học. Chương trình đã được mở và vận hành vào đào tạo, hiện đang tuyển sinh khóa thứ 3;

- Tham gia xây dựng Chương trình thạc sĩ liên kết chuyên ngành Quản lý giáo dục.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

b) Hoạt động đào tạo: Thiếu thâm niên giảng dạy, tính bù bằng điểm bài báo theo quy định.

- *Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu: 02 thâm niên đào tạo đại học.*

- *Giờ giảng dạy:*

+ *Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu: 03 thâm niên, cụ thể:*

✓ Năm học 2014-2015: Chưa tham gia giảng dạy

✓ Năm học 2015-2016: Chưa tham gia giảng dạy

✓ Năm học 2016-2017: Đủ giờ định mức nhưng thiếu 27 giờ giảng trực tiếp trên lớp.

+ *Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 02 thâm niên*

✓ Năm học 2014-2015: Chưa tham gia giảng dạy

✓ Năm học 2015-2016: Chưa tham gia giảng dạy

- **Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT: Đạt**

c) Nghiên cứu khoa học:

- **Không đủ số CTKH là tác giả chính:**

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☒

*(Ứng viên đã công bố 03 BBQT trên các tạp chí thuộc hệ thống ISI/Scopus (trong đó có 2 bài là tác giả chính, 1 bài là đồng tác giả chính). UV sử dụng 02 bài báo quốc tế trên tạp chí **International Journal of Psychosocial Rehabilitation** thuộc hệ thống Scopus (Q4) là tác giả chính để xét tiêu chuẩn cứng của PGS, và sử dụng 01 sách chuyên khảo để bù cho 01 bài báo quốc tế còn thiếu so với tiêu chuẩn cứng.*

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Đề xuất thay thế 01 BBQT bằng 01 sách chuyên khảo của NXB uy tín trong nước, cụ thể:

<i>Tên sách</i>	<i>Loại sách (CK, GT, TK, HD)</i>	<i>Nhà xuất bản và năm xuất bản</i>	<i>Số tác giả</i>	<i>Chủ biên</i>	<i>Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)</i>	<i>Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)</i>
Phát triển dịch vụ giáo dục - nghiên cứu thực tiễn khu vực nông thôn Việt Nam ISBN: 978-604- 9962-24-0	CK	NXB ĐHQGHN Năm 2020 (360 trang)	1	CB		Xác nhận mục đích sử dụng sách CK của Trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN (Theo VB số 850/ĐT-ĐHGD, ngày 26/6/2020) (Hồ sơ minh chứng của Hội đồng thẩm định sách chuyên khảo đầy đủ)

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

NGUYỄN THỊ HƯƠNG